TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2020/DS-PT
Ngày: 06-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Tuấn

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Hồng Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 185/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bạch N, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Đường số A, Phường A, thành phố T, tỉnh Long An.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 01 năm 2018)

- *Bị đơn*

1. Ông Châu Thanh V, sinh năm: 1976;

2. Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1977;

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thanh T: Ông Châu Thanh V, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Đường B, khu dân cư M, ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 10 năm 2018).

- *Người làm chứng:* Ông Đặng Văn T, sinh năm: 1966;

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu: Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ thường trú: Đường H, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Minh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 16 tháng 5 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03 tháng 10 năm 2018 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch N cũng như người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Minh C trình bày:

Bà N và ông V quen biết nhau từ năm 1998. Trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến tháng 12 năm 2008, ông V có vay của bà N nhiều lần với số tiền tổng cộng là 250.000.000 đồng, mục đích vay để mua đất, những lần cụ thể thì không nhớ và cũng không làm giấy tay. Đến tháng 9/2009 (không nhớ ngày), giữa bà N và ông V có thỏa thuận làm "Giấy mượn nợ" để chốt lại số nợ trên với nội dung: Ông V xác nhận nợ bà N số tiền 250.000.000 đồng, lý do mượn là nợ vay, thời hạn trả 10 năm kể từ ngày ghi giấy nợ, trả đủ một lần, nếu quá hạn bị phạt 10%, không thỏa thuận lãi, ghi ngày mượn nợ là ngày 02 tháng 01 năm 2008. Giấy tay này do ông V viết, ông V, bà N và người làm chứng là ông Đặng Văn T cùng ký tên. Do chỉ làm giấy tay chốt nợ nên ngày làm giấy tay này bà N không có giao tiền cho ông V. Khi vay tiền ông V không thế chấp tài sản hay giấy tờ gì cho bà N.

Khi đến hạn trả nợ, mặc dù bà N đã nhiều lần liên lạc để yêu cầu giải quyết số nợ trên nhưng ông V không đồng ý trả nên bà N khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông Châu Thanh V và vợ là bà Nguyễn Thanh T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả một lần cho bà N số tiền gốc vay 250.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 02 tháng 01 năm 2008 đến ngày 02 tháng 01 năm 2018, mức lãi suất 9%/năm, thành tiền 225.000.000 đồng, tổng cộng là 475.000.000 đồng.

Ngoài ra bà N không còn yêu cầu nào khác. Tiền bà N cho ông V vay là tiền riêng của bà N không có liên quan đến người nào khác.

Bị đơn ông Châu Thanh V đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thanh T trình bày:

Bà Nguyễn Thanh T là vợ của ông, ông và bà T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2004, hiện hôn nhân vẫn còn tồn tại. Ông và bà N là bạn bè, quen biết nhau từ khoảng năm 1997.

Ông thừa nhận trước đây ông có vay bà N số tiền 250.000.000 đồng với thời hạn trả là 10 năm. Tuy nhiên, ông không thống nhất với bà N về ngày viết giấy nợ và số lần nhận tiền. Ông xác định ngày mượn nợ là ngày 02 tháng 01 năm 2018, tức là đến ngày 02 tháng 01 năm 2028 mới đến hạn trả nợ; ông chỉ vay của bà N một lần với số tiền là 250.000.000 đồng chứ không phải vay nhiều lần như bà N trình bày. Khi vay, ông là người trực tiếp viết giấy tay chính là giấy nợ bà N đã cung cấp

cho Tòa án, địa điểm viết tại nhà ông Đặng Văn T, mục đích vay là để làm ăn, khi vay chỉ có cá nhân ông đứng ra vay. Nội dung giấy tay ngày 02 tháng 01 năm 2018, ông xác nhận nợ bà N số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn trả là 10 năm kể từ ngày ghi giấy nợ, trả một lần, nếu quá hạn bị phạt 10%, không có thỏa thuận lãi suất. Lúc viết giấy tay ngoài ông, bà N, ông T còn có vợ ông T chứng kiến nhưng chỉ có ông, bà N và ông T ký tên. Sau khi viết giấy tay thì bà N có giao cho ông số tiền 250.000.000 đồng.

Ông xác định, số tiền 250.000.000 đồng này ông đã trả cho bà N dù chưa đến hạn do ông không có nhu cầu sử dụng, trả vào buổi chiều cùng ngày vay. Ông trả tiền trực tiếp cho bà N tại nhà ông T, có ông T và vợ ông T chứng kiến. Khi trả, chính ông viết biên nhận nhận tiền với nội dung là đã trả cho bà N số tiền đã vay 250.000.000 đồng, bà N và ông T có ký tên. Hiện tại, biên nhận này đã bị thất lạc nên ông không cung cấp được cho Tòa án.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà N thì ông không đồng ý, lý do: Số nợ 250.000.000 đồng ông đã thanh toán cho bà N hoàn tất vào ngày 02 tháng 01 năm 2018, mặc dù thời hạn trả nợ là đến hết ngày 02 tháng 01 năm 2028. Trong giấy tay không thỏa thuận lãi suất nhưng nay bà N yêu cầu tính lãi với số tiền 225.000.000 đồng là không có căn cứ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 10 năm 2018, ông có yêu cầu Tòa án tiến hành giám định chữ viết trong giấy tay mượn nợ, Tòa án cũng đã giải thích cho ông về việc làm thủ tục giám định nhưng sau đó ông không thực hiện vì ông xác định rõ ngày vay là ngày 02 tháng 01 năm 2018. Nên Tòa án không tiến hành trưng cầu giám định mà tiếp tục giải quyết vụ án theo qui định.

Trong biên bản ngày 20 tháng 8 năm 2018, người làm chứng ông Đặng Văn T trình bày: Ông là anh rể của bà N, ông Châu Thanh V là bạn của bà N và ông cũng biết ông V.

Ông có chứng kiến sự việc ông V viết giấy nhận nợ của bà N số tiền 250.000.000đồng, đây là số tiền mà ông V đã vay của bà N nhiều lần trước đó, theo ông biết thì cho đến nay ông V chưa trả tiền cho bà N.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B đã căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bạch N đối với ông Châu Thanh V và bà Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu ông V và bà T liên đới hoàn trả số tiền vay 250.000.000 đồng và tiền lãi 225.000.000 đồng.

Về chi phí giám định: Tổng cộng là 5.520.000 đồng, số tiền này ông Châu Thanh V tự nguyện chịu 4.500.000 đồng (đã nộp và chi xong). Buộc bà Nguyễn Thị Bạch N phải chịu 1.020.000 đồng (số tiền này bà N đã nộp và chi xong).

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Bạch N phải chịu 23.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, chuyển số tiền tạm ứng án phí 6.250.000 đồng bà N đã nộp theo biên lai thu số 0006635 ngày 12/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B sang án phí, bà N còn phải nộp tiếp số tiền 16.750.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26 tháng 11 năm 2019 người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Minh C làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do số tiền 250.000.000đồng ông V vay của bà N vào năm 2008 chứ không phải là năm 2018 và đến nay ông V bà T vẫn chưa trả cho tiền cho bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Minh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, trình bày cho rằng, số tiền 250.000.000đồng bà N nhận trong giấy tay nhận tiền ngày 02 tháng 01 năm 2018 là để thực hiện giấy cam kết cùng ngày chứ không phải là trả nợ vay do ông V và bà N có quan hệ tình cảm dẫn đến mang thai, tuy nhiên bản chính giấy cam kết này bà N không giữ mà do ông V giữ, còn số tiền trong giấy vay nợ đến nay ông V vẫn chưa thanh toán. Bị đơn ông Châu Thanh V không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn, không thừa nhận có lập giấy tay cam kết giao cho bà N 250.000.000đồng để giải quyết mối quan hệ tình cảm giữa hai bên, không thừa nhận có lập hoặc ký tên vào giấy cam kết.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Kiểm sát viên phân tích đánh giá chứng cứ cho rằng kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Minh C được làm đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bà Nguyễn Thị Bạch N khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Châu Thanh V bà Nguyễn Thanh T, đối tượng khởi kiện là số tiền 250.000.000đồng, bà N cùng người đại diện hợp pháp của bà N trình bày giấy ghi nợ ghi ngày 02 tháng 01 năm 2008, trong khi đó ông V thừa nhận có vay số tiền nhưng vào ngày 02 tháng 01 năm 2018. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào giấy nhận tiền ngày 02 tháng 01 năm 2018 với nội dung trả tiền vay được giám định chữ ký của nguyên đơn để bác

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã kháng cáo.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn thấy rằng: Các bên đều thừa nhận rằng, ngoài số tiền vay 250.000.000đồng thì giữa bà N và ông V không lập thêm bất kỳ văn bản nào thể hiện có quan hệ giao dịch về dân sự đối với khoản tiền nào khác. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng giữa bà N và ông V có mối quan hệ tình cảm, bà N nhận số tiền 250.000.000đồng trong giấy tay nhận tiền ngày 02 tháng 01 năm 2018 để giải quyết mối quan hệ tình cảm giữa bà N và ông V được thể hiện trong giấy tay cam kết cùng ngày, tuy nhiên trong giấy tay nhận tiền lại ghi rõ là trả tiền vay, đồng thời bản cam kết này chỉ là bản photocopy, bà N không cung cấp được bản chính, ông V không thừa nhận bản cam kết này là có thật để chứng minh việc nhận số tiền này không phải là nhận trả tiền vay mà là để giải quyết mối quan hệ tình cảm. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn không cung cấp được thêm chứng cứ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo mà cần bác yêu cầu này, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận đề nghị phát biểu của bà Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[4] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Bác yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B.

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bạch N đối với ông Châu Thanh V và bà Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu ông V và bà T liên đới hoàn trả số tiền vay 250.000.000 đồng và tiền lãi 225.000.000 đồng.

Về chi phí giám định: Ông Châu Thanh V tự nguyện chịu 4.500.000 đồng. Buộc bà Nguyễn Thị Bạch N phải chịu 1.020.000 đồng. Toàn bộ số tiền này các đương sự đã nộp và chi phí xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bạch N phải chịu 23.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 6.250.000 đồng bà N đã nộp theo biên lai thu số 0006635 ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B sang án phí, bà N còn phải nộp tiếp số tiền 16.750.000 đồng.

Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Bạch N phải chịu 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0001516 ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Nga